

Bản án số: 634/2023/HS-PT

Ngày 30 – 8 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Võ Văn Khoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 330/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 136/2023/HSST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Ngô Tấn Ph, sinh năm 1982 tại tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp TT, xã XĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Tổ 61 khu phố ĐC, phường TĐH, Thành phố DA, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Tấn L, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1950; có vợ là Nguyễn Ngọc Phương Th, sinh năm 1984 và có 01 người con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022, (có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Tấn Ph:

+ Bà Trần Thị Hồng V – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư Trần Thị Hồng V và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Ngô Tấn Ph, (có mặt);

+ Ông Tô Bá Th – Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH Chí Thành, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

2. Tsần Q, sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Số 102A Khu phố 7, Ấp 4, xã PL, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Số 288/30 HVL, phường Phú Lợi, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tsần Văn C, sinh năm 1959 và bà Chềnh Sán M, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Thị Ph1, sinh năm 1988 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022, (có mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo Tsần Q: Ông Huỳnh Tấn C1 – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư TP, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt ngày 28/8/2023, vắng mặt ngày 30/8/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại TB (Công ty TB); địa chỉ: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 5, khu phố PT, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, được thành lập theo Giấy phép đăng ký hoạt động doanh nghiệp số: 4602001566, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 10 năm 2014; đại diện theo pháp luật là Lưu Vĩnh C1, sinh năm 1977, CCCD số 079077016374. Ngành nghề kinh doanh chính là sửa chữa, lắp ráp, bảo trì các loại máy phát điện, máy chế biến gỗ và cho thuê xe nâng.

Ngày 01/4/2016, Công ty TB làm thủ tục nhập khẩu lô hàng theo tờ khai Hải quan số 100802730560/A11, tên hàng theo khai báo là: Xe lu, động cơ máy xúc lật, lọc dầu máy phát điện (đã qua sử dụng) và tủ điều khiển máy phát điện mới 100%, số lượng: 14 kiện = 62 cái/bộ; trọng lượng 17.945 kg; trị giá 296.191.000 đồng, xuất xứ: Đài Loan; trong đó, mục 3 là lọc dầu máy phát điện đã qua sử dụng, số lượng 50 cái, trị giá 26.724.000 đồng mã số hàng hóa 8421.99.99, thuế xuất nhập khẩu: 0%.

Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I phối hợp với Phòng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa, kết quả kiểm tra thể hiện theo Biên bản chứng nhận số 185/BB-HC13

ngày 07/4/2016, như sau:

- Hàng hóa đúng với khai báo gồm 03 mục hàng:

+ Mục 1: Xe lu bánh lốp đã qua sử dụng (đã có kết quả giám định Cục đăng kiểm Việt Nam đủ tiêu chuẩn, điều kiện nhập khẩu) phù hợp với khai báo.

+ Mục 2: Động cơ máy xúc lật dùng dầu disel, hàng đã qua sử dụng số lượng 01 cái phù hợp với khai báo.

+ Mục 4: Tủ điều khiển máy phát điện, hàng mới 100%, 10 cái phù hợp với khai báo.

- Hàng hóa khai báo sai tên hàng:

+ Mục 3: Khai báo là lọc dầu máy phát điện đã qua sử dụng số lượng 50 cái nhưng hàng thực tế kiểm tra là tám lọc bụi của máy điều hoà gồm 105 cái CT110, 390 cái B10 loại mới 100%.

- Hàng không khai báo gồm 41 mục hàng:

+ 32 mục thực phẩm các loại (thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện, doanh nghiệp không thực hiện đăng ký kiểm tra an toàn thực phẩm: mục 1 đến 23, mục 26, 27, 31, 32, 35, 38, 39, 40, 41);

+ 03 mục rượu các loại (thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải có giấy phép, doanh nghiệp không có giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu: mục 24, 28, 30);

+ 06 mục là hàng hóa nhập khẩu thông thường gồm quần áo, chụp đèn, phụ kiện máy móc các loại: mục số 33, 25, 29, 34, 36, 37;

- Tổng trị giá hàng vi phạm theo xác định của cơ quan Hải quan là 865.045.405 đồng, trong đó: Trị giá hàng hóa nhập khẩu có điều kiện, hàng hóa nhập khẩu phải có giấy phép, doanh nghiệp không khai báo là: 107.638.037 đồng (tương ứng với 32 mục thực phẩm các loại, 03 mục rượu các loại); trị giá hàng hóa nhập khẩu sai khai báo và không khai báo dẫn đến thiếu số thuế phải nộp: 757.407.368 đồng (tương ứng với mục 3, hàng hóa khai báo sai tên hàng, 06 mục là hàng hóa nhập khẩu thông thường).

Ngày 21/4/2017, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I chuyển hồ sơ của Công ty TB có hành vi nhập khẩu hàng hóa không khai báo hải quan, khai sai tên hàng đối với hàng hóa là thực phẩm, rượu các loại đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra xác định:

Lin Yung Hs., tên phiên âm tiếng Việt là Lâm Vĩnh T1, sinh năm 1959, Quốc tịch Đài Loan (Trung Quốc), hộ chiếu số 351271578, không có tên trên giấy phép đăng ký kinh doanh, nhưng là người thành lập, điều hành mọi hoạt

động của Công ty TB. Để thuận lợi cho việc kinh doanh, năm 2005, Lâm Vĩnh T1 thuê Lưu Vĩnh C1, sinh năm 1977, nơi cư trú: 67B C. phường NTB, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, làm Đại diện pháp luật kiêm Giám đốc Công ty, phụ trách việc ký trên hồ sơ, chứng từ với cơ quan thuế và các cơ quan chức năng khác. Trên thực tế, Lưu Vĩnh C1 chỉ là Nhân viên kỹ thuật, phụ trách việc sửa chữa, bảo trì và tìm kiếm khách hàng cho Công ty TB. Ngoài Lưu Vĩnh C1, Lâm Vĩnh T1 còn thuê Lu Xiao W., tên phiên âm tiếng Việt là Lưu Tiểu V, sinh năm 1985, cư trú tại: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 5, khu phố PT, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, làm nhân viên bộ phận chứng từ, phụ trách việc nhận thông tin thư điện tử, chứng từ của đối tác nước ngoài, cung cấp tài liệu cho các đơn vị làm dịch vụ vận chuyển.

Đầu năm 2016, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) tiến hành mua gom hàng hóa tại Đài Loan, sau đó nhờ Công ty SC Electronmechanical Co. LTD thực hiện thủ tục xuất khẩu hàng hóa sang Việt Nam cho Công ty TB. Ngoài số hàng hóa theo chứng từ khai báo là: Xe lu, động cơ máy xúc lật, lọc dầu máy phát điện (đã qua sử dụng) và tủ điều khiển máy phát điện mới 100%; Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) còn tiến hành xuất khẩu hàng thực phẩm, quần áo và các mặt hàng tiêu dùng khác nhưng không có ý định khai báo. Đầu tháng 3/2016, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) liên hệ Chiêm Bửu Ch, là Nhân viên làm dịch vụ giao nhận tự do, cung cấp chứng từ để Ch thực hiện thủ tục khai báo Hải quan. Ch có liên hệ bộ phận soi chiếu Hải quan, xin hình ảnh chụp soi chiếu thì phát hiện, trong Container có chứa nhiều thùng carton chứa hàng ngoài chứng từ, khi hỏi được Lâm Vĩnh T1 cho biết là hàng thực phẩm. Ch đã yêu cầu trả hàng do Công ty TB không có chức năng nhập khẩu hàng thực phẩm nhưng Lâm Vĩnh T1 không đồng ý. Vì vậy, Ch từ chối thực hiện việc khai báo Hải quan đối với lô hàng này. Sau đó, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) tiếp tục thuê Tsann Q, là Nhân viên Công ty TNHH TM và DV ĐGD (gọi tắt là Công ty ĐGD), thực hiện việc khai báo đối với lô hàng trên. Lâm Vĩnh T1 có báo cho Tsann Q về việc muốn nhập khẩu hàng thực phẩm kèm xe lu, máy móc, thiết bị nhưng không khai báo hải quan đối với hàng hóa là thực phẩm do Công ty TB không đủ điều kiện nhập khẩu đối với hàng hóa là thực phẩm. Lâm Vĩnh T1 được Tsann Q tư vấn không khai báo hàng hóa nêu trên khi mở tờ khai Hải quan và nếu kiểm hóa, sẽ chủ động xin Hải quan cho qua, không ghi nhận hàng thực phẩm vào biên bản. Sau khi thống nhất, Lâm Vĩnh T1 chỉ đạo Lưu Tiểu V cung cấp chứng từ cho Công ty ĐGD để thực hiện việc khai báo. Ngày 31/3/2016, thực hiện chỉ đạo của Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1), Lưu Tiểu V cung cấp chứng từ, hợp đồng, invoice, packing list, bản in tờ khai Hải quan (do Chiêm Bửu Ch gửi trước đó cho Vệ) bản giấy, gửi Tờ khai và danh sách hàng hóa (bản tiếng Hoa có phiên âm tiếng Việt) vào email: congtvdaigiangdo@gmail.com của Công ty ĐGD. Ngô Tấn Ph là Giám đốc Công ty, được Tsann Q báo về việc này và nhận chứng

từ, thông tin qua e-mail do Lưu Tiểu V cung cấp, biết rõ trong Container có hàng thực phẩm, đã thực hiện mở tờ khai Hải quan số 100802730561, ngày 01/4/2016, cố ý không khai báo số hàng hóa thực phẩm các loại mà chỉ khai báo số hàng hóa là xe lu, động cơ máy xúc lật, lọc dầu máy phát điện (đã qua sử dụng) và tủ điều khiển máy phát điện mới 100%. Theo thông tin trên hệ thống, hàng hóa được phân luồng vàng. Ngày 04/4/2016, Đội thủ tục hàng hóa nhập khẩu thuộc Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 có Phiếu đề xuất thay đổi hình thức, mức độ kiểm tra hải quan, chuyển luồng Đỏ. Khi tiến hành kiểm hóa, Ngô Tấn Ph chỉ đạo Lê Văn V1, đại diện Công ty ĐGD và Công ty TB, chứng kiến việc kiểm hóa, nếu có hàng thực phẩm thì xin cán bộ Hải quan không ghi nhận. Quá trình kiểm tra, Cơ quan Hải quan phát hiện lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan đối với vi phạm nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Tsần Q, Ngô Tấn Ph và các đối tượng liên quan khai nhận như sau:

Bị can Tsần Q khai: Tsần Q là nhân viên Công ty ĐGD từ năm 2014. Tháng 3/2016, Lâm Vĩnh T1 có liên hệ với Tsần Q về việc mở tờ khai Hải quan nhập khẩu lô hàng là xe lu và phụ kiện máy phát điện cùng với một ít hàng hóa là hàng thực phẩm các loại. Tsần Q tư vấn cho Lâm Vĩnh T1 nếu nhập khẩu hàng thực phẩm thì cần phải có giấy phép chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm. Do nghe Lâm Vĩnh T1 nói hàng thực phẩm chỉ có ít nên Tsần Q nhận sẽ không khai báo số hàng hóa thực phẩm vào tờ khai mà chủ động xin bộ phận kiểm hóa không ghi nhận khi kiểm tra. Sau khi thỏa thuận, Tsần Q báo cho Ngô Tấn Ph là Giám đốc Công ty ĐGD, về việc lô hàng của Lâm Vĩnh T1 có hàng hóa là hàng nhập khẩu có điều kiện, nên sẽ mở tờ khai hải quan nhưng chỉ khai báo số hàng hóa là xe lu, động cơ máy xúc lật, lọc dầu máy phát điện (đã qua sử dụng) và tủ điều khiển máy phát điện mới 100%. Quá trình tiếp nhận thông tin từ Công ty TB theo trao đổi, thỏa thuận với Lâm Vĩnh T1, Tsần Q có nhận danh sách hàng hóa là hàng thực phẩm trước khi mở tờ khai Hải quan từ Lưu Tiểu V thông qua email congtydaigiangdo@gmail.com. Q thừa nhận thường xuyên làm dịch vụ Hải quan, nên biết tại Điều 18 Luật Hải quan năm 2014 có quy định về việc người khai hải quan có quyền yêu cầu cơ quan Hải quan cho phép kiểm tra, lấy mẫu hàng hóa trước khi mở tờ khai hải quan để khai báo được chính xác. Tuy nhiên, khi biết hàng hóa thực tế không đúng theo nội dung chứng từ thể hiện, Q không kiểm tra mà có ý định nếu hàng hóa không khai báo bị phát hiện sẽ xin hải quan bỏ qua vi phạm. Trước đó, năm 2014, Tsần Q đã được Lâm Vĩnh T1 nhờ nhập khẩu lô hàng măng cụt từ Indonesia về Việt Nam. Thời điểm đó, do biết Công ty TB không có chức năng nhập khẩu thực phẩm, Q đã nhờ Công ty HTM thực hiện dịch vụ nhập ủy thác.

+ Đối với Ngô Tấn Ph: Q khai có bàn bạc, thống nhất với Ph khi cơ

quan hải quan kiểm hóa hàng của Công ty TB, Ph sẽ chủ động xin Hải quan không ghi nhận hàng ngoài khai báo.

+ Đối với Lê Văn V1: Q không thông báo cho V1 biết nội dung trao đổi với Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1). Đối với Lưu Tiểu V, là Nhân viên chứng từ, Q không bàn bạc, không trao đổi nội dung về việc khai báo hải quan đối với tờ khai của Công ty TB vào ngày 01/4/2016, chỉ nhận chứng từ, nhận mail của Vệ gửi qua email Congtydaigiangdo@gmail.com và email Quantran201@gmail.com. Đối với Lưu Vĩnh C1, Q không trao đổi về việc khai báo hải quan và cũng chưa từng gặp Lưu Vĩnh C1.

Bị can Ngô Tấn Ph khai: Ph là Giám đốc Công ty ĐGD. Năm 2014, Tsần Q và Ngô Tấn Ph được Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) thuê làm thủ tục nhập khẩu cho Công ty TB mặt hàng măng cụt từ Indonesia. Do biết Công ty TB không có chức năng nhập khẩu hàng thực phẩm, Tsần Q đã trao đổi với Ngô Tấn Ph sẽ nhờ Công ty HTM nhập ủy thác giúp lô hàng măng cụt. Đến tháng 3/2016, Ngô Tấn Ph tiếp tục nhận được yêu cầu của Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) thông qua Tsần Q về việc nhập khẩu hàng hóa là xe lu, máy xúc lật kèm theo hàng hóa là thực phẩm. Toàn bộ việc trao đổi với Lâm Vĩnh T1 đều được Tsần Q bàn bạc, trao đổi lại với Ngô Tấn Ph để cùng thực hiện. Ph và Q thống nhất sẽ xin Hải quan không ghi nhận hàng hóa ngoài khai báo nếu bị phát hiện. Ngày 01/4/2016, sau khi nhận chứng từ kèm file danh sách hàng hóa là thực phẩm từ Công ty TB, Ngô Tấn Ph trực tiếp truyền tờ khai Hải quan lên hệ thống khai báo hải quan điện tử. Dù biết hàng hóa thực tế trong Container khác với nội dung thể hiện trên chứng từ hợp đồng nhưng Ph không thực hiện kiểm tra lấy mẫu, không khai báo danh sách hàng thực phẩm đính kèm do Công ty TB gửi. Ph khai nếu bị kiểm tra phát hiện hàng hóa không khai báo sẽ xin Hải quan không ghi nhận. Đối với việc thực hiện yêu cầu Hải quan cho kiểm tra, lấy mẫu trước khi mở tờ khai Hải quan theo Điều 18 Luật Hải quan năm 2014, Ngô Tấn Ph khai do làm dịch vụ khai báo hải quan, nếu đăng ký kiểm tra hàng hóa trước khi mở tờ khai hải quan, sẽ chậm trễ tiến độ nhận hàng của khách hàng, nên không thực hiện.

+ Đối với Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1), quá trình tiếp nhận giải quyết ban đầu, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập, ghi lời khai Lâm Vĩnh T1. Tại Cơ quan điều tra, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) khai: Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) thừa nhận có thuê Lưu Vĩnh C1 làm Giám đốc Công ty TB, nhưng thực tế T1 điều hành toàn bộ. Tháng 3/2016, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) có nhu cầu nhập xe lu công trình và phụ kiện máy phát điện phục vụ kinh doanh. Trước khi lập Công ty TB, kinh doanh tại Việt Nam, Lâm Vĩnh T1 sinh sống tại Đài Loan, và có lập Công ty riêng là Công ty C.B do vợ là bà Tseng Chin Ch1 làm Giám đốc tại Đài Loan. Công ty C.B tại Đài Loan

của vợ chồng Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) chuyên thu mua hàng hóa tại Đài Loan để xuất bán sang Việt Nam. Sau khi tìm kiếm được nguồn hàng tại Đài Loan, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) nhờ đại diện là Công ty SC Electronmechanical Co.; LTD làm đại diện pháp nhân xuất khẩu lô hàng trên đến Việt Nam và lập hợp đồng mua bán với Công ty TB. Do Container còn trống nên Nhân viên của Công ty C.B tại Đài Loan là Lý Tổ Ch2 thông báo với Lâm Vĩnh T1 tận dụng để gửi kèm một số hàng thực phẩm và hàng tiêu dùng các loại, vận chuyển về Việt Nam cho các đối tác là người Đài Loan sinh sống tại Việt Nam. Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) đã liên hệ Tsần Q là Nhân viên Công ty ĐGD để thực hiện thủ tục khai báo hải quan. Lâm Vĩnh T1 khai đã cung cấp thông tin hàng hoá đầy đủ cho Tsần Q và nhờ làm dịch vụ trọn gói. Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) không biết Q khai báo hải quan như thế nào. Tại các lời khai sau đó, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) thay đổi lời khai cho rằng, việc đóng hàng hóa vào Container thừa do Nhân viên Công ty C.B tại Đài Loan là Lý Tổ Ch2 thực hiện. Tại thời điểm trao đổi với Tsần Q, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) không biết danh sách cụ thể hàng hóa, chỉ biết có một ít hàng hóa là hàng thực phẩm gửi kèm để tiêu dùng nên truyền đạt thông tin cho Tsần Q biết để khai báo.

Lưu Vĩnh C1, Giám đốc Công ty TB khai: Công ty TB thực tế do đối tượng Lin Yung Hs., tên phiên âm tiếng Việt là Lâm Vĩnh T1, số Hộ chiếu 351271578, Quốc tịch Đài Loan (Trung Quốc), bỏ vốn thành lập từ năm 2002 và điều hành toàn bộ. Ban đầu, doanh nghiệp do Võ Thị Thúy V2 ở Long An làm Giám đốc. Đến năm 2005 bà Vân nghỉ việc, Lâm Vĩnh T1 thuê Lưu Vĩnh C1 đứng tên Đại diện pháp luật cho Công ty. Công ty có chức năng mua bán, sửa chữa, cho thuê, bảo trì máy phát điện, thỉnh thoảng có nhập một số máy móc khác như xe lu, xe nâng, phụ tùng về động cơ để bán lẻ. Dù đứng tên Giám đốc đại diện pháp luật của doanh nghiệp, công việc thực tế của Lưu Vĩnh C1 là môi giới bán máy, cho thuê máy móc các loại, không tham gia giao dịch, mua bán hàng hóa. Đối với hàng hóa theo tờ khai Hải quan số 100802730560/A11, Lưu Vĩnh C1 khai không nắm rõ thực tế việc mua bán, không biết việc đóng hàng tại Đài Loan, không biết số lượng hàng hóa cụ thể trong Container khi nhập khẩu, chỉ xem qua và ký trên các chứng từ do công ty làm dịch vụ cung cấp theo chỉ đạo của Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1). Toàn bộ việc ký kết hợp đồng với đối tác nước ngoài, liên hệ đơn vị dịch vụ khai báo hải quan do Lâm Vĩnh T1 thực hiện. Lưu Vĩnh C1 được Lâm Vĩnh T1 trả lương 5.000.000 đồng/tháng. Lưu Vĩnh C1 không tham gia trao đổi với Tsần Q, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) và Ngô Tấn Ph về việc nhập khẩu hàng hóa. Về thông tin liên quan đến Lâm Vĩnh T1 thì Lưu Vĩnh C1 khai: do Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) đã lớn tuổi nên đầu năm 2020, khi dịch Covid bùng phát, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) đã xuất cảnh về Đài Loan đến nay chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam. Đối với hoạt động của Công

ty TB, từ năm 2016 đến nay, Công ty không tiến hành nhập khẩu hàng hóa, chỉ hoạt động sửa chữa máy móc. Đến nay, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) tuy ở Đài Loan nhưng vẫn điều hành hoạt động Công ty và trả lương cho nhân viên tại Việt Nam, Lưu Vĩnh C1 đã vận động Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) trở lại Việt Nam đến Cơ quan điều tra để làm việc nhưng T1 không thực hiện.

Lưu Tiểu V, Nhân viên Công ty TB, phụ trách bộ phận chứng từ, khai: Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) đứng ra thành lập Công ty TB, hoạt động lĩnh vực kinh doanh, sửa chữa cho thuê xe lu, máy xúc, máy phát điện. Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) thuê Lưu Vĩnh C1 là người Việt Nam đứng tên Đại diện pháp luật của Công ty. Toàn bộ hoạt động của Công ty do Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) điều hành. Lưu Vĩnh C1 chỉ ký các tài liệu pháp nhân theo chỉ đạo của Lâm Vĩnh T1. Tháng 3/2016, Công ty TB có nhập khẩu lô hàng là xe lu, động cơ máy xúc lật và tủ điều khiển máy phát điện từ Đài Loan. Ngày 08/3/2016, Lưu Tiểu V nhận được mail từ Công ty C.B của Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) tại Đài Loan (chuang.bor2003@hotmail.com) thông báo đơn hàng chi tiết về xe lu, xe nâng, động cơ, bộ điều khiển của máy phát điện, thông tin vận chuyển, Invoice, Packing list về các thiết bị trên. Sau khi nhận email, theo chỉ đạo của Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1), Vệ liên hệ với Chiêm Bửu Ch để nhờ thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa. Vệ gửi cho Ch thông tin qua Skype nhận được từ C.B. Sau đó, Chiêm Bửu Ch soạn thảo mẫu bản xác nhận nội dung khai báo nhập khẩu để chuẩn bị làm thủ tục khai báo Hải quan, kèm bộ hợp đồng mẫu, Invoice, Packing list để thực hiện thủ tục khai báo Hải quan gửi cho Công ty TB kiểm tra, xác nhận. Sau đó, Vệ được Ch thông báo: qua hình ảnh soi chiếu hàng hóa, Ch phát hiện nghi vấn hàng hóa không đúng thông tin như Công ty TB cung cấp nên từ chối trả hàng về lại Đài Loan, từ chối nhận hàng. Lưu Tiểu V đã báo cáo trực tiếp thông tin Ch cung cấp cho Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) biết, đồng thời hỏi Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) hàng hóa cụ thể trong Container. Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) không đồng ý xuất hàng về lại Đài Loan và cũng không nói rõ hàng hóa trong Container là gì. Ngày 30/03/2016, Lâm Vĩnh T1 yêu cầu Lưu Tiểu V chuyển lại thông tin mà Chiêm Bửu Ch đã soạn thảo bao gồm Invoice, Packing list, Bản xác nhận nội dung khai báo nhập khẩu, kèm thư báo hàng đến, bill tàu, bản in tờ khai hải quan và file thông tin danh sách hàng hóa thực phẩm gửi vào email congydaigiangdo@gmail.com cho Tsần Q để lấy thông tin khai báo. Ngày 07/4/2016, Công ty C.B tại Đài Loan trực tiếp gửi thông tin giá cả chi tiết đơn hàng thực phẩm cho Tsần Q vào email quantran201@gmail.com. Trong tờ khai Invoice số CB-1050308 có đóng dấu xác nhận của Công ty TB, Lưu Tiểu V xác nhận, mục ký tên đại diện Công ty SC Electromechanical Co.,LTD là chữ ký của mình, do tài liệu được in ra dạng file word nên Lưu Tiểu V ký lên mục đại diện Công ty SC Electromecanical Co., LTD để đủ thủ tục khai báo hải quan (Vệ ký lúc giao cho Chiêm Bửu Ch). Đến ngày 08/6/2016,

Tsần Q có sử dụng email congtydaigiangdo@gmail.com gửi cho Lưu Tiểu V thông tin tờ khai hải quan điện tử đã khai báo hải quan.

Chiêm Bửu Ch, Nhân viên giao nhận tự do khai: Đầu tháng 3/2016, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) liên hệ với Chiêm Bửu Ch nhờ mở tờ khai Hải quan để nhập khẩu máy móc thiết bị gồm xe nâng, động cơ máy xúc lật, xe lu, tủ điều khiển máy phát điện. Sau đó, Lưu Tiểu V gửi thông tin chứng từ cho Ch bằng Skype, gồm Invoice, Packing list, Contract (thông tin này hiện Ch không còn lưu giữ) để Ch lấy thông tin nhập vào phần mềm khai báo hải quan điện tử (chưa thực hiện thủ tục khai báo). Ch xuất file nội dung “Bản xác nhận nội dung khai báo nhập khẩu < In thử > và chuyển ngược lại Skype cho Lưu Tiểu V để kiểm tra thông tin. Đồng thời, Ch có liên hệ bộ phận soi chiếu hải quan xin hình ảnh soi chiếu Container. Ch xem lại hình ảnh soi chiếu thì phát hiện một số thùng hàng số lượng lớn, không rõ hàng hóa bên trong, so với kích thước tổng thể thì không đúng với nội dung chứng từ do Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) và Lưu Tiểu V cung cấp. Số lượng hàng hóa trong Container số DRYU9759623/40 HQ/TSX0863989 nhiều hơn. Ch hỏi Lưu Tiểu V nhưng Vệ không biết. Sau khi hỏi thông tin Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) Lưu Tiểu V trả lời là hàng thực phẩm nhưng không cung cấp chứng từ, số lượng hàng hóa cụ thể. Ch có tư vấn cho Lưu Tiểu V là hàng khác với khai báo và hàng thực phẩm phải có giấy phép vệ sinh an toàn thực phẩm trong khi Công ty TB không có chức năng này, Ch đề nghị Vệ liên hệ Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) làm thủ tục từ chối nhận hàng, làm thủ tục tái xuất về Đài Loan. Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) khi nhận được thông báo từ Vệ vẫn nhờ Chiêm Bửu Ch cố nhập được lô hàng này nhưng Ch từ chối.

Lê Văn V1, Nhân viên Công ty ĐGD, khai: Khi tiến hành kiểm hóa cùng với cán bộ Hải quan, V1 được Ngô Tấn Ph truyền đạt nếu hàng hóa kèm theo có một ít thực phẩm không đáng kể đi kèm để tiêu dùng thì liên hệ bộ phận kiểm hóa không ghi nhận. Lê Văn V1 không nắm danh sách cụ thể hàng hóa, không phải người truyền tờ khai Hải quan, không trao đổi bàn bạc với Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1).

Vật chứng, theo Biên bản chứng nhận số 185/BB-HC13 ngày 07/4/2016 của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1), gồm:

- Hàng hóa khai báo sai tên hàng: Mục 3 khai báo là lọc dầu máy phát điện đã qua sử dụng số lượng 50 cái nhưng hàng thực tế kiểm tra là Tám lọc bụi của máy điều hòa gồm 105 cái CT110, 390 cái B10 loại mới 100%.

- Hàng không khai báo gồm 41 mục hàng;

- + 32 mục thực phẩm các loại (thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu có điều kiện, doanh nghiệp không thực hiện đăng ký kiểm tra an toàn thực phẩm: mục 1 đến 23, mục 26, 27, 31, 32, 35, 38, 39, 40, 41);

+ 03 mục rượu các loại (thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải có giấy phép, doanh nghiệp không có giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu: mục 24, 28, 30);

+ 06 mục là hàng hóa nhập khẩu thông thường gồm quần áo, chụp đèn, phụ kiện máy móc các loại: mục số 33, 25, 29, 34, 36, 37.

Kết luận định giá tài sản số 7923/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện như sau:

- Hội đồng từ chối định giá đối với 05 tài sản là cháo ăn liền, miến gói, bánh kẹo, rượu bình sứ loại 1 lít, rượu loại 58 độ và loại 38 độ do trên thị trường không có thông tin giao dịch tài sản.

- Hội đồng thống nhất sử dụng kết quả thẩm định của đơn vị tư vấn để ước tính giá trị các tài sản còn lại trong vụ việc theo giá trên thị trường tại thời điểm tháng 4 năm 2016 là 619.787.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 392/CT-VKS-P3 ngày 02/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 136/2023/HSST ngày 07/4/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 188, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt: Bị cáo Ngô Tấn Ph 05 (năm) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

+ Xử phạt: Bị cáo Tsần Q 05 (năm) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo, quyết định về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/4/2023, các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q có đơn kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/4/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 18/QĐ-VKS-P3 kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 136/2023/HSST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối

với bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q (sau đây gọi tắt là *Quyết định kháng nghị hoặc Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*).

Ngày 08/5/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 24/QĐ/VC3-V1 kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 136/2023/HSST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng, không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q; và tăng hình phạt đối với bị cáo Ph và bị cáo Q đúng theo quy định pháp luật (sau đây gọi tắt là *Quyết định kháng nghị hoặc Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh*).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên các Quyết định kháng nghị.

+ *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:*

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phân xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ căn cứ xác định, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 3 Điều 188 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không oan cho các bị cáo.

Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q là những người cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo là các đồng phạm tích cực. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, các bị cáo Ph và Q chỉ là đồng phạm với vai trò hạn chế, là không đúng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, các bị cáo Ph và Q đã thành khẩn khai báo trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, là không chính xác và không có căn cứ, là sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật. Vì “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” chỉ là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thì bị cáo Ph và Q chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên không đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; sửa bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q; tăng hình phạt đối với bị cáo Ph và bị cáo Q, xử phạt bị cáo Ph mức án từ 07 đến 08 năm tù và xử phạt bị cáo Q mức án từ 07 đến 08 năm tù.

Luật sư Trần Thị Hồng V trình bày ý kiến bào chữa cho bị cáo Ngô Tấn Ph với nội dung:

Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Ngô Tấn Ph phạm tội “Buôn lậu” với vai trò đồng phạm giúp sức, nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét đến việc bị cáo Ph không phải là chủ hàng hóa buôn lậu, bị cáo chỉ là người làm dịch vụ và hưởng tiền công dịch vụ làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa, không hưởng lợi gì từ hành vi buôn lậu. Mặt khác, cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét đến việc bị cáo Ph đã phạm tội do quá tin vào việc chủ hàng ông Lâm Vĩnh T1 nói là chỉ có một ít hàng thực phẩm không khai báo kèm theo nên đã đồng ý làm dịch vụ nhập khẩu lô hàng, vì nghĩ rằng, với số ít hàng thực phẩm không khai báo thì sẽ xin Hải quan không ghi nhận số hàng hóa ngoài khai báo nếu bị phát hiện; trong trường hợp bị phát hiện, xin Hải quan không được thì vi phạm này cũng không đến mức phạm tội hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Ngô Tấn Ph, tại phiên tòa sơ thẩm đã có đủ cơ sở xác định, bị cáo Ph đã thành khẩn khai báo, tại cơ quan điều tra và phiên tòa đã ăn năn hối cải về hành vi của mình, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại cho xã hội, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo Ngô Tấn Ph có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như trên nên Luật sư bào chữa cho bị cáo Ph đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Ph bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ph là thiếu sót, gây bất lợi cho bị cáo. Thêm nữa, bị cáo Ngô Tấn Ph còn là lao động chính trong

gia đình và là Giám đốc Công ty ĐGD, từ ngày bị cáo Ph bị tạm giữ, tạm giam đến nay Công ty không còn hoạt động, hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo và các thành viên trong Công ty rất khó khăn.

Từ những lý do và căn cứ nêu trên Luật sư cho rằng, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định, bị cáo Ngô Tấn Ph có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên không đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Phi, là không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận các Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ngô Tấn Ph, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phi.

Luật sư Huỳnh Tấn C1 trình bày ý kiến bào chữa cho bị cáo Tsần Q với nội dung:

Đồng tình với quan điểm của Luật sư đồng nghiệp bào chữa cho bị cáo Ngô Tấn Ph, vì bị cáo Ph và bị cáo Q cùng phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án này. Song, Luật sư bào chữa cho bị cáo Q còn trình bày thêm các nội dung như sau: Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về việc người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là 01 tình tiết hay là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cơ quan chức năng cũng chưa có văn bản hướng dẫn thống nhất về vấn đề này. Nhưng theo quan điểm của Luật sư thì người phạm tội trong vụ án này là các bị cáo Ph và Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là chính xác và có căn cứ. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định, bị cáo Ngô Tấn Ph có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên không đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Phi, là không đúng, nên đề nghị Viện kiểm sát rút các các quyết định kháng nghị phúc thẩm trong vụ án này.

Thêm nữa, bị cáo Ph và bị cáo Q đều thuộc trường hợp phạm tội nhưng chưa gây hậu quả, vì hàng hóa buôn lậu đã bị phát hiện và tịch thu nộp ngân sách Nhà nước nên chưa đưa ra được ngoài thị trường. Đây là tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho cả hai bị cáo Ph và Q. Ngoài ra, bị cáo Q còn là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn do còn phải nuôi bố mẹ già và 02 con nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Tsần Q, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu đối đáp:

Quan điểm của các Luật sư cho rằng, trong vụ án này, các bị cáo Ph và Q cùng phạm tội do chủ quan tin vào lời nói của chủ hàng; các bị cáo Ph và Q phạm tội nhưng chưa gây hậu quả, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo, là không có cơ sở. Viện kiểm sát không đồng ý với toàn bộ ý kiến, quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo Ph và bị cáo Q.

Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm, bị cáo Ph và bị cáo Q chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên không đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; sửa bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q; tăng hình phạt đối với bị cáo Ph và bị cáo Q, xử phạt bị cáo Ph mức án từ 07 đến 08 năm tù và xử phạt bị cáo Q mức án từ 07 đến 08 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy định pháp luật; được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Ph và bị cáo Q;

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết. Xét lời khai nhận tội của bị cáo Ph và bị cáo Q phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản vi phạm hành chính, vật chứng, kết quả định giá cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ cơ sở xác định:

[2.1a] Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại TB (Công ty TB), địa chỉ: Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 5, khu phố PT, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, được thành lập theo Giấy phép đăng ký hoạt động doanh nghiệp số: 4602001566, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 01/10/2014; ngành nghề kinh doanh chính là sửa chữa, lắp ráp, bảo trì các loại máy phát điện, máy chế biến gỗ; cho thuê xe nâng; đại diện theo pháp luật là Lưu Vĩnh C1, sinh năm 1977, CCCD số 079077016374; nhưng thực tế Công ty TB do Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1), quốc tịch Đài Loan (Trung Quốc) là người thành lập, trực tiếp quản lý và điều hành mọi hoạt động. Vì vậy, Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) đã thuê Tsần Q và Ngô Tấn Ph sử dụng pháp nhân Công ty TB mở tờ khai hải quan số 100802730560/A11 ngày 01/4/2016 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1, hàng hóa nhập khẩu khai báo có 04 mục hàng gồm: Xe lu; Động cơ máy xúc lật; Lọc dầu máy phát điện (đã qua sử dụng); Tủ điều khiển máy phát điện (mới 100%). Các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q biết rõ hàng hóa trong Container có những mặt hàng là hàng nhập khẩu có điều kiện nhưng không khai báo vì có ý định xin cán bộ kiểm hóa không ghi nhận hàng vi phạm nếu bị kiểm tra. Qua thực tế kiểm tra, Cơ quan hải quan xác định hàng hóa nhập khẩu không đúng khai báo (01 mục hàng) và hàng hóa không khai báo gồm 41 mục hàng (*theo Biên bản chứng nhận số 185/BB-HC13 ngày 07/4/2016 của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1*), tổng giá trị hàng hóa vi phạm là 619.787.000 đồng.

[2.1b] Với hành vi như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q phạm tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ

luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội theo quy định pháp luật.

[2.2] Trong vụ án này, bị cáo Ph và bị cáo Q đã có hành vi giúp sức cho Lin Yung Hs. (Lâm Vĩnh T1) sử dụng pháp nhân Công ty TB mở tờ khai hải quan số 100802730560/A11 ngày 01/4/2016 làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa từ Đài Loan về Việt Nam; các bị cáo Ph và bị cáo Q cùng biết rõ hàng hóa trong Container có những mặt hàng là hàng nhập khẩu có điều kiện nhưng không khai báo; trong đó, bị cáo Ph là người nhận thông tin từ bị cáo Q và là người truyền tờ khai hải quan nhưng không khai báo, có ý định xin cán bộ kiểm hóa không ghi nhận hàng vi phạm nếu bị kiểm tra. Qua đó nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định, các bị cáo Ph và Q chỉ tham gia tội phạm với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể, là không đúng. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định, bị cáo Ph và bị cáo Q cùng là những người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nên các bị cáo có vai trò đồng phạm tích cực trong vụ án, là có căn cứ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Ph và bị cáo Q;

[2.3a] Tòa án cấp sơ thẩm xác định: “Các bị cáo đã thành khẩn khai báo trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; thêm nữa, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.3b] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định, Tòa án cấp sơ thẩm xác định, các bị cáo Ph và Q đã thành khẩn khai báo trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, là không chính xác. Vì “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” chỉ là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhận thấy, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vấn đề này là đúng, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.3c] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsan Q cho rằng, trong

vụ án này, các bị cáo Ph và Q phạm tội “Buôn lậu” với vai trò đồng phạm giúp sức, nhưng các bị cáo không phải là chủ hàng hóa buôn lậu, các bị cáo chỉ là những người làm dịch vụ và hưởng tiền công dịch vụ làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa; Hơn nữa, hàng hóa buôn lậu chỉ là hàng thực phẩm chưa đưa ra ngoài thị trường vì đã bị phát hiện và tịch thu nộp ngân sách Nhà nước nên thuộc trường hợp “Phạm tội nhưng chưa gây hậu quả” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót, chưa xem xét áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình, là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận áp dụng bổ sung cho các bị cáo.

[2.3d] Như vậy, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thì bị cáo Ph và Q đã có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; nên đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với cho các bị cáo.

[3] Thế nhưng, về hình phạt đối với bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt đối với bị cáo Ph và bị cáo Q cùng mức án 05 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo, đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q, chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q (có bổ sung áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Ph và Q).

[5] Đối với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa phúc thẩm do chỉ có một phần là phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đối với phần này; phần không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm thì không được chấp nhận.

[6] Những ý kiến, quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần do phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm; đối với phần không phù hợp thì Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q, chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 18/QĐ-VKS-P3 ngày 14/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 24/QĐ/VC3-V1 ngày 08/5/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm số: 136/2023/HSST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Ngô Tấn Ph và bị cáo Tsần Q (có bổ sung áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Ph và Q):

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 188, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt: Bị cáo Ngô Tấn Ph 05 (năm) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

+ Xử phạt: Bị cáo Tsần Q 05 (năm) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm việc thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2- Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Ngô Tấn Ph và Tsần Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 30 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Trại tạm giam Công an TP.HCM
(Trại tạm giam tổng đạt cho bị cáo);
- Sở tư pháp TP.HCM, tỉnh Tiền Giang,
tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: HS, VP, NTHN (34b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh